



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
	<i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)</i>
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên
	<i>(đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)</i>

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 6 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Như được trình bày tại Thuyết minh 42 của báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và theo Thông báo số 126/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-00013-24-2



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2024

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2594-2024-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.761.375.593.537	1.619.067.077.803
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	210.985.575.944	24.500.930.736
Tiền	111		13.763.575.944	17.500.930.736
Các khoản tương đương tiền	112		197.222.000.000	7.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		176.606.702.730	139.255.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	176.606.702.730	139.255.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		538.886.472.472	498.202.931.728
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	515.334.151.341	481.469.304.248
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.141.926.365	13.934.866.168
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(b)	2.342.860.000	2.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	11.777.524.112	5.757.490.658
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(5.709.989.346)	(5.709.989.346)
Hàng tồn kho	140	11	765.957.784.829	912.622.775.247
Hàng tồn kho	141		776.023.985.593	954.658.679.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.066.200.764)	(42.035.904.403)
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.939.057.562	44.485.440.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	13.000.500.880	9.527.827.412
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.278.789.960	34.953.346.976
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18(a)	3.659.766.722	4.265.704

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		746.345.151.927	794.059.324.512
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.698.452.545	10.651.446.545
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	4.685.720.000	7.614.280.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	1.012.732.545	3.037.166.545
Tài sản cố định	220		665.744.250.468	702.843.197.952
Tài sản cố định hữu hình	221	12	663.880.001.252	700.375.819.420
<i>Nguyên giá</i>	222		2.039.265.934.388	1.984.326.610.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.375.385.933.136)	(1.283.950.791.304)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.864.249.216	2.467.378.532
<i>Nguyên giá</i>	228		12.780.311.016	12.593.614.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.916.061.800)	(10.126.235.790)
Tài sản dở dang dài hạn	240		921.944.983	17.435.128.396
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	921.944.983	17.435.128.396
Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.116.541.850	16.359.634.355
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	17.166.518.501	15.409.611.006
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	8.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		47.863.962.081	46.769.917.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	45.561.989.804	41.043.750.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.301.972.277	5.726.166.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.507.720.745.464	2.413.126.402.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.670.914.709.684	1.511.687.829.377
Nợ ngắn hạn	310		1.441.464.680.083	1.238.126.539.172
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	231.658.729.897	247.458.763.604
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.310.976.519	13.225.730.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	16.008.977.997	36.476.439.431
Phải trả người lao động	314		338.575.244.295	311.860.046.804
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.156.076.393	5.896.536.953
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		64.771.915	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	115.412.086.009	24.333.865.250
Vay ngắn hạn	320	21(a)	642.688.671.718	530.686.157.557
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	81.589.145.340	68.188.999.432
Nợ dài hạn	330		229.450.029.601	273.561.290.205
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	23	1.998.966.784	4.882.461.916
Phải trả dài hạn khác	337		454.600.000	-
Vay dài hạn	338	21(b)	226.484.939.447	268.678.828.289
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	511.523.370	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		836.806.035.780	901.438.572.938
Vốn chủ sở hữu	410	24	836.806.035.780	901.438.572.938
Vốn cổ phần	411	25	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	206.579.950.294	178.026.784.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.896.456.204	377.815.114.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		145.922.388.021	98.761.374.269
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		81.974.068.183	279.053.740.515
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.002.269.282	43.812.983.833
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.507.720.745.464	2.413.126.402.315

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Anh Thảo
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	4.703.966.718.679	5.178.994.729.409
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	3.757.144.627	456.833.533
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	4.700.209.574.052	5.178.537.895.876
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	4.268.076.376.832	4.564.510.426.208
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		432.133.197.220	614.027.469.668
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	84.155.373.745	97.314.884.450
Chi phí tài chính	22	32	69.386.809.704	81.115.346.231
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>38.519.684.807</i>	<i>24.700.898.629</i>
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.399.707.495	1.503.088.717
Chi phí bán hàng	25	33	84.105.696.267	127.250.606.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	158.353.864.802	152.319.897.679
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		206.841.907.687	352.159.592.391
Thu nhập khác	31	35	10.280.757.806	6.435.880.836
Chi phí khác	32	36	6.312.135.168	1.343.384.668
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.968.622.638	5.092.496.168
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		210.810.530.325	357.252.088.559
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	37.001.410.572	77.992.134.643
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	38	3.935.717.795	(5.726.166.702)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		169.873.401.958	284.986.120.618

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (trạng trước mang sang)	60		169.873.401.958	284.986.120.618
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		171.980.838.183	279.053.740.515
Cổ đông không kiểm soát	62		(2.107.436.225)	5.932.380.103
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	4.444	7.146

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Anh Thảo
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		210.810.530.325	357.252.088.559
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		123.954.055.538	127.218.158.438
Các khoản dự phòng	03		(31.969.703.639)	39.920.401.596
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.240.828.272	10.890.005.636
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.915.961.872)	(16.544.012.338)
Chi phí lãi vay	06		38.519.684.807	24.700.898.629
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		325.639.433.431	543.437.540.520
Biến động các khoản phải thu	09		(49.577.640.322)	20.605.834.126
Biến động hàng tồn kho	10		178.634.694.057	(96.599.449.895)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		23.649.729.604	(157.795.613.479)
Biến động chi phí trả trước	12		(8.078.523.162)	(13.460.521.273)
			470.267.693.608	296.187.789.999
Tiền lãi vay đã trả	14		(38.474.535.011)	(24.653.480.570)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18(b)	(57.973.657.094)	(55.187.867.925)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.639.419	381.616.911
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	22	(9.161.400.627)	(12.480.734.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		364.690.740.295	204.247.324.116
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(94.998.377.573)	(140.540.098.916)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		937.360.909	881.568.619
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(271.534.478.495)	(272.382.440.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		229.519.735.765	244.199.100.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.844.938.678	12.431.307.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.230.820.716)	(155.410.562.707)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		3.725.391.182.603	3.955.451.541.865
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.663.012.509.094)	(4.012.643.909.763)
Tiền trả cổ tức	36		(120.499.545.500)	(26.027.744.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.120.871.991)	(83.220.111.898)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		186.339.047.588	(34.383.350.489)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		24.500.930.736	58.586.417.754
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		145.597.620	297.863.471
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	210.985.575.944	24.500.930.736

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

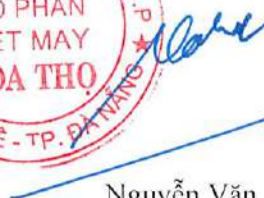
Người lập:



Phạm Anh Thảo
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2023	1/1/2023
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
	Công ty liên kết		
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	30,61%	30,61%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 10.133 nhân viên (1/1/2023: 10.339 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn (Thuyết minh 4).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	2023 Nghìn VND	2022 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	2023 Nghìn VND	2022 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	2023 Nghìn VND	2022 Nghìn VND	2023 Nghìn VND	2022 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.776.509.564	3.972.540.165	927.457.155	1.206.454.564	-	-	4.703.966.719	5.178.994.729
Doanh thu giữa các bộ phận	134.719.682	137.828.007	37.607.131	58.056.128	(172.326.813)	(195.884.135)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	3.911.229.246	4.110.368.172	965.064.286	1.264.510.692	(172.326.813)	(195.884.135)	4.703.966.719	5.178.994.729
Kết quả kinh doanh của bộ phận	417.750.504	498.202.929	14.382.693	115.824.541	-	-	432.133.197	614.027.470
Doanh thu tài chính							84.155.374	97.314.884
Chi phí tài chính							69.386.810	81.115.346
Phân lãi trong công ty liên kết							2.399.707	1.503.089
Chi phí không phân bổ							242.459.560	279.570.504
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							3.968.623	5.092.496
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							210.810.531	357.252.089
Chi phí thuế TNDN hiện hành							37.001.411	77.992.135
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại							3.935.718	(5.726.167)
Lợi nhuận thuần sau thuế							169.873.402	284.986.121



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	May mặc		Sợi		Tổng cộng	
	31/12/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	31/12/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	31/12/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.535.831.184	1.628.780.325	496.911.632	556.658.502	2.032.742.816 474.977.929	2.185.438.827 227.687.575
Tổng tài sản					2.507.720.745	2.413.126.402
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	1.120.879.038	940.381.827	297.682.115	295.337.031	1.418.561.153 252.353.557	1.235.718.858 275.968.971
Tổng nợ phải trả					1.670.914.710	1.511.687.829
					2023 Nghìn VND	2022 Nghìn VND Đã điều chỉnh lại
Chi tiêu vốn					94.998.378	140.540.099
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					123.076.619	126.342.117
Khấu hao tài sản cố định vô hình					789.826	788.431

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.708.631.304	919.227.745	488.615.049	144.912.893	227.704.243	353.500.980	861.374.505	4.703.966.719
Kết quả kinh doanh của bộ phận	125.556.275	117.124.768	42.179.626	5.178.795	72.036.667	24.212.638	45.844.428	432.133.197
Thu nhập không phân bổ								86.555.081
Chi phí không phân bổ								311.846.370
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								206.841.908
Thu nhập khác								10.280.758
Chi phí khác								6.312.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành								37.001.411
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								3.935.718
Lợi nhuận thuần sau thuế								169.873.402



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND Đã điều chỉnh lại	Hợp nhất Nghìn VND Đã điều chỉnh lại
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.555.570.038	996.923.631	520.990.868	334.668.004	395.648.690	497.262.986	877.930.512	5.178.994.729
Kết quả kinh doanh của bộ phận	124.953.425	129.297.701	48.934.309	67.177.239	122.291.434	34.422.628	86.950.734	614.027.470
Thu nhập không phân bổ								98.817.972
Chi phí không phân bổ								360.685.850
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								352.159.592
Thu nhập khác								6.435.882
Chi phí khác								1.343.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành								77.992.135
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại								(5.726.167)
Lợi nhuận thuần sau thuế								284.986.121

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, hầu hết tài sản bộ phận của Tổng công ty chỉ tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	197.916.388	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	13.565.659.556	17.333.586.017
Các khoản tương đương tiền	197.222.000.000	7.000.000.000
	210.985.575.944	24.500.930.736

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 0,5% đến 4,5% (1/1/2023: 6%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	176.606.702.730	176.606.702.730	139.255.000.000	139.255.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	(*)	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,8% đến 9,5% (1/1/2023: từ 4,9% đến 11,2%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên tháng 12 kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm là 5,3% (1/1/2023: Không).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 31.000 triệu VND (1/1/2023: 43.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21).

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2023					1/1/2023				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	30,61%	30,61%	15.724.135.353	-	642.800	30,61%	30,61%	14.846.135.496	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	1.442.383.148	-	400.000	20,00%	20,00%	563.475.510	-
					17.166.518.501	-				15.409.611.006	-
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.805.678.651)				7.755.702.000	(6.805.678.651)
					24.922.220.501	(6.805.678.651)				23.165.313.006	(6.805.678.651)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Motives International (Hong Kong) Limited	227.158.560.082	139.903.797.596
Haggar Clothing Co.	86.827.098.602	91.560.398.308
Các khách hàng khác	201.348.492.657	250.005.108.344
	<hr/>	
	515.334.151.341	481.469.304.248
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 36.904 triệu VND (1/1/2023: 22.024 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	143.590.666	159.181.030
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	41.610.032	-
	<hr/>	
	185.200.698	159.181.030
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan - công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	9.371.440.000
Các bên khác		
Phải thu ngắn hạn khác	-	994.100.000
	<hr/>	<hr/>
	7.028.580.000	10.365.540.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 10,0%/năm và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.751.260.000
Dài hạn	4.685.720.000	7.614.280.000
	<hr/>	<hr/>
	7.028.580.000	10.365.540.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tiền lãi phải thu	5.514.556.964	1.703.213.409
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.479.481.000	104.481.000
Tạm ứng nhân viên	2.130.593.214	1.107.894.840
Thuế nhập khẩu tạm nộp	339.838.279	1.207.210.507
Phải thu khác	2.313.054.655	1.634.690.902
	<hr/>	<hr/>
	11.777.524.112	5.757.490.658
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ký quỹ	-	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.012.732.545	587.166.545
	<hr/>	<hr/>
	1.012.732.545	3.037.166.545
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2023			Thời gian quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
						Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty TNHH May Phú Tường	Trên 3 năm Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
		-	-	-		2.880.547.450	-	2.880.547.450
		<u>5.709.989.346</u>	<u>(5.709.989.346)</u>	<u>-</u>		<u>8.590.536.796</u>	<u>(5.709.989.346)</u>	<u>2.880.547.450</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi			<u>(5.709.989.346)</u>				<u>(5.709.989.346)</u>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
			Đã điều chỉnh lại	
Hàng mua đang đi trên đường	121.656.620.675	(1.043.278.429)	57.520.651.683	(1.020.073.709)
Nguyên vật liệu	192.547.259.837	(3.061.261.989)	293.527.557.391	(27.315.695.061)
Công cụ và dụng cụ	2.024.195.631	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	336.696.888.370	(3.130.624.852)	416.214.620.311	(3.597.053.186)
Thành phẩm	60.042.697.458	(1.845.008.726)	54.011.314.325	(9.657.502.024)
Hàng hóa	6.283.260.703	(951.562.364)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	56.773.062.919	(34.464.404)	126.616.670.857	-
	776.023.985.593	(10.066.200.764)	954.658.679.650	(42.035.904.403)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 153.439 triệu VND (1/1/2023: 238.074 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 683.795 triệu VND (1/1/2023: 750.563 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Tăng trong năm	1.567.385.406	7.651.901.690	1.977.822.043	379.977.170	793.263.154	12.370.349.463
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	128.964.082	73.769.427.546	17.309.817	-	294.750.000	74.210.451.445
Phân loại lại	(1.812.332.071)	2.080.913.143	-	-	(268.581.072)	-
Thanh lý	-	(28.676.541.904)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(31.641.477.244)
Số dư cuối năm	467.970.318.704	1.370.979.614.058	87.390.702.738	9.916.057.332	103.009.241.556	2.039.265.934.388
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong năm	24.262.809.037	83.695.455.481	8.537.075.260	647.552.909	5.933.726.389	123.076.619.076
Phân loại lại	(1.923.627.517)	2.039.399.331	-	-	(115.771.814)	-
Thanh lý	-	(28.676.541.904)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(31.641.477.244)
Số dư cuối năm	221.382.602.169	999.379.658.098	53.994.817.648	8.433.491.938	92.195.363.283	1.375.385.933.136
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư cuối năm	246.587.716.535	371.599.955.960	33.395.885.090	1.482.565.394	10.813.878.273	663.880.001.252

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 867.239 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 770.746 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 368.633 triệu VND (1/1/2023: 381.667 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.593.614.322
Tăng trong năm	186.696.694
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.780.311.016
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.126.235.790
Khấu hao trong năm	789.826.010
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.916.061.800
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.467.378.532
Số dư cuối năm	1.864.249.216
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.371 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 7.913 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	17.435.128.396	14.352.120.576
Tăng trong năm	57.697.268.032	126.391.204.924
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(74.210.451.445)	(123.308.197.104)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	921.944.983	17.435.128.396

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy	511.049.236	-
Nhà máy May Triệu Phong - giai đoạn 3	293.540.191	-
Máy móc thiết bị sợi	-	13.367.742.196
Các công trình khác	117.355.556	4.067.386.200
	<hr/>	<hr/>
	921.944.983	17.435.128.396

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Trả trước phí bảo hiểm	3.227.281.381	3.071.969.024
Công cụ và dụng cụ	2.627.499.460	1.359.748.228
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.366.700.925	498.110.110
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.779.019.114	4.598.000.050
	<hr/>	<hr/>
	13.000.500.880	9.527.827.412

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.840.258.372	14.748.232.145	22.455.260.045	41.043.750.562
Tăng trong năm	-	16.674.590.568	7.715.952.918	24.390.543.486
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(10.230.699.200)	(9.534.547.597)	(19.852.857.249)
Thanh lý	-	(19.446.995)	-	(19.446.995)
Số dư cuối năm	3.752.647.920	21.172.676.518	20.636.665.366	45.561.989.804

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.059.602.624	5.630.211.563
Doanh thu chưa thực hiện	20%	1.009.566.289	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – công ty con	5%	-	95.955.139
Khác	20%	232.803.364	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.301.972.277	5.726.166.702
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	(511.523.370)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		1.790.448.907	5.726.166.702

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Hultafors Group AB	18.705.524.789	41.205.311.087
Các nhà cung cấp khác	212.953.205.108	206.253.452.517
	231.658.729.897	247.458.763.604

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.387.148.375	5.023.685.489
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.600.436.555	18.462.790.590
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	906.163.602	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	5.026.026	7.859.651
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	69.698.988	161.737.569
	13.968.473.546	23.656.073.299

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2023	Số đã nộp	Số bù trừ	31/12/2023
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Tiền thuê đất	-	3.659.766.722	-	3.659.766.722
Thuế đất phi nông nghiệp	4.265.704	-	(4.265.704)	-
	4.265.704	3.659.766.722	(4.265.704)	3.659.766.722

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.766.804.205	132.176.348.896	(131.247.551.570)	4.695.601.531
Thuế nhập khẩu	56.980.038	3.620.893.507	(3.677.611.528)	262.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	31.884.480.458	37.001.410.572	(57.973.657.094)	10.912.233.936
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	9.088.440.745	(9.455.878.496)	400.736.979
Tiền thuế đất	-	6.206.733.710	(6.206.733.710)	-
Các loại thuế khác	-	1.238.163.767	(1.238.020.233)	143.534
	36.476.439.431	189.331.991.197	(209.799.452.631)	16.008.977.997

(*) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước đối với Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 42).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hoạt động	1.930.053.738	4.670.621.801
Chi phí lãi vay	468.679.648	423.529.852
Chi phí tiền điện, nước	2.207.788.650	136.727.464
Các khoản trích trước khác	549.554.357	665.657.836
	5.156.076.393	5.896.536.953

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	17.781.619.769	15.626.312.053
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	936.449.270	2.506.906.124
Cổ tức phải trả	91.194.507.100	1.132.452.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	-	832.771.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.499.509.870	4.235.422.692
	115.412.086.009	24.333.865.250

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	488.687.245.837	3.725.391.182.603	(3.598.775.658.705)	405.296.073	615.708.065.808
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	41.998.911.720	36.561.488.243	(51.748.343.722)	168.549.669	26.980.605.910
	530.686.157.557	3.761.952.670.846	(3.650.524.002.427)	573.845.742	642.688.671.718

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,5% - 3,2%	180.064.321.836	315.182.355.128
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,6%	39.159.534.223	-
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,7% - 3,2%	179.949.256.061	58.616.896.720
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,5% - 4,0%	55.133.854.140	48.375.285.693
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,6% - 3,8%	26.741.755.703	21.820.622.789
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	2,1% - 2,2%	-	44.392.085.507
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	2,5% - 3,2%	79.409.343.845	-
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	2,5%	55.000.000.000	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	9,0%	250.000.000	300.000.000
			615.708.065.808	488.687.245.837



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 6(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vay dài hạn	253.465.545.357	310.677.740.009
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(26.980.605.910)	(41.998.911.720)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	226.484.939.447	268.678.828.289

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	VND	4,3%	2024	10.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	8,25%	2025	30.016.931.310	77.131.077.962
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	2.790.000.000	4.030.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	210.658.614.047	209.516.662.047
				253.465.545.357	310.677.740.009

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(a)) và một số tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12) của Tổng Công ty và các công ty con.
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 12).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	68.188.999.432	69.175.100.458
Trích lập trong năm	22.528.907.116	11.170.216.362
Tặng khác	32.639.419	381.616.911
Sử dụng trong năm	(9.161.400.627)	(12.537.934.299)
Số dư cuối năm	<u>81.589.145.340</u>	<u>68.188.999.432</u>

23. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản người mua trả tiền trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để Tổng Công ty đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Theo thỏa thuận ngày 25 tháng 4 năm 2015 và phụ lục ngày 3 tháng 1 năm 2022, số tiền ứng trước này được cần trừ dần với tiền mua hàng Motives phải trả cho Tổng Công ty kể từ năm 2017 đến năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	-	279.053.740.515	5.932.380.103	284.986.120.618
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây</i>	-	-	-	263.348.714.184	4.721.137.906	268.069.852.090
<i>Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 42)</i>	-	-	-	15.705.026.331	1.211.242.197	16.916.268.528
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(23.625.000.000)	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	63.780.750.000	576.600.000	-	(64.357.350.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.839.820.133)	(330.396.229)	(11.170.216.362)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	377.815.114.784	43.812.983.833	901.438.572.938
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	171.980.838.183	(2.107.436.225)	169.873.401.958
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(210.019.070.000)	(1.957.962.000)	(211.977.032.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	59.996.330.000	1.547.340.000	-	(61.543.670.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.783.590.790)	(745.316.326)	(22.528.907.116)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	360.027.080.000	3.300.280.000	206.579.950.294	227.896.456.204	39.002.269.282	836.806.035.780

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2023			1/1/2023		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%	18.561.838	185.618.380.000	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%	11.441.237	114.412.370.000	38,13%
	36.002.708	360.027.080.000	100%	30.003.075	300.030.750.000	100%

Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.999.633	59.996.330.000	6.378.075	63.780.750.000
Số dư cuối năm	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 120.012 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 59.996 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 20%/vốn điều lệ) cho năm 2023 (2022: 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%/vốn điều lệ) cho năm 2021).

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty vào ngày 4 tháng 12 năm 2023 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 90.007 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 25%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2022: Không).

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	28.196.625.103	28.338.752.963
Trong vòng hai đến năm năm	108.411.419.265	108.822.921.969
Sau năm năm	182.337.480.838	163.613.513.729
	318.945.525.206	300.775.188.661

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	237.422	5.720.089.141	227.196	5.316.327.203

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	176.940.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	56.180.000.000	5.742.000.000
	<hr/> 233.120.000.000	<hr/> 48.842.000.000

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	4.694.186.132.524	5.170.918.533.990
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.780.586.155	8.076.195.419
	<hr/> 4.703.966.718.679	<hr/> 5.178.994.729.409
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(3.275.248.195)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(411.270.139)	(456.833.533)
▪ Giảm giá hàng bán	(70.626.293)	-
	<hr/> (3.757.144.627)	<hr/> (456.833.533)
Doanh thu thuần	<hr/> 4.700.209.574.052	<hr/> 5.178.537.895.876

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023	2022
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.295.870.418.282	4.520.339.814.491
Giá vốn dịch vụ khác	4.175.662.189	3.045.754.426
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.969.703.639)	41.124.857.291
	<hr/>	
	4.268.076.376.832	4.564.510.426.208
	<hr/>	

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023	2022
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	20.410.893.468	13.966.520.999
Cổ tức được chia	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.558.113.953	83.157.458.319
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.366.324	22.905.132
	<hr/>	
	84.155.373.745	97.314.884.450
	<hr/>	

32. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.519.684.807	24.700.898.629
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.626.296.625	45.227.907.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.240.828.272	10.890.005.636
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.534.645
	<hr/>	
	69.386.809.704	81.115.346.231
	<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	7.450.318.876	6.529.732.791
Chi phí vật liệu, bao bì	727.270.099	889.095.934
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	357.982.822	1.371.907.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	929.987.754	969.166.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.720.346.717	102.622.143.662
Chi phí khác	17.919.789.999	14.868.559.932
	84.105.696.267	127.250.606.534

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023	2022
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	83.273.524.891	75.980.195.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.874.778.161	9.922.454.527
Thuế, phí và lệ phí	7.550.074.463	12.673.545.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.912.428.071	27.556.257.273
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.440.273.725)
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.521.756.836	2.839.423.508
Chi phí khác	23.221.302.380	24.788.295.649
	158.353.864.802	152.319.897.679

35. Thu nhập khác

	2023	2022
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	937.360.909	906.402.622
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	8.149.661.036	2.497.702.339
Các khoản thu nhập khác	1.193.735.861	3.031.775.875
	10.280.757.806	6.435.880.836

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	4.878.493.001	248.531.355
Các khoản chi phí khác	1.433.642.167	1.094.853.313
	<hr/> 6.312.135.168	<hr/> 1.343.384.668

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.371.039.795.168	2.708.023.164.937
Chi phí nhân viên	1.272.835.241.599	1.331.474.227.105
Chi phí khấu hao và phân bổ	123.954.055.538	127.218.158.438
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.440.273.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	580.415.634.787	773.039.414.472
	<hr/> 580.415.634.787	<hr/> 773.039.414.472

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	36.344.432.271	77.966.243.765
Dự phòng thiếu năm trước	656.978.301	25.890.878
	<hr/> 37.001.410.572	<hr/> 77.992.134.643
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	3.935.717.795	(5.726.166.702)
	<hr/> 40.937.128.367	<hr/> 72.265.967.941

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	210.810.530.325	357.252.088.559
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	42.162.106.065	71.450.417.712
Ưu đãi thuế	-	(496.770.100)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(227.844.693)	(1.693.596.926)
Chi phí không được khấu trừ thuế	735.404.414	709.532.225
Thu nhập không bị tính thuế	(513.541.499)	(33.600.000)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận trong những năm trước	(4.416.284.964)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.304.791.243	2.759.235.745
Lỗi tính thuế được sử dụng ở công ty con	-	(73.165.234)
Dự phòng thiếu năm trước	656.978.301	25.890.878
Giảm thuế (*)	(764.480.500)	(381.976.359)
	40.937.128.367	72.265.967.941

- (*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.268.572.959	1.053.714.592	23.994.419.752	4.798.883.949
Lỗi tính thuế tại công ty con	13.168.378.176	2.633.675.636	-	-
	18.436.951.135	3.687.390.228	23.994.419.752	4.798.883.949

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào năm 2028.

Lỗi tính thuế tại công ty con hết hiệu lực vào năm 2028.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗi tính thuế của công ty con bởi vì không chắc chắn công ty con này có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Đối với các công ty con

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 (Số cổ phiếu)	2022 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước	30.003.075	23.625.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	5.999.633	12.377.708
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	36.002.708	36.002.708

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2023	2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	171.980.838.183	279.053.740.515
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(12.000.000.000)	(21.783.590.790)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	159.980.838.183	257.270.149.725
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	36.002.708	36.002.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.444	7.146

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên ước tính của Ban điều hành Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2023.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22) như sau:

	Lợi nhuận thuần VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	255.348.714.184	30.003.075	8.511
Ảnh hưởng của điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 42)	15.705.026.331	-	523
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(13.783.590.790)	-	(459)
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	5.999.633	(1.429)
Số điều chỉnh lại	257.270.149.725	36.002.708	7.146

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức bằng tiền	129.932.864.500	14.615.621.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	37.123.670.000	39.462.170.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.004.546	9.827.268
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.299.307.361	16.958.594.950
Chi phí lãi vay	14.617.579.970	6.454.974.769
Mua tài sản cố định	-	32.600.000.000
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.904.263.006	2.216.473.534
Mua hàng hóa và dịch vụ	91.332.736.950	89.428.986.872
Cho vay	-	9.371.440.000
Nhận hoàn trả gốc cho vay	2.342.860.000	-
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	922.611.235	642.135.599

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	304.150.799	467.379.207
Mua hàng hóa và dịch vụ	77.762.963.938	108.394.147.998
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế -		
công ty con của công ty mẹ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	123.639.057	166.334.472
Mua hàng hóa và dịch vụ	659.127.429	353.063.010
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín –		
công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia		
đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của		
Tổng Công ty		
Bán dịch vụ	3.462.963	-
Mua dịch vụ	5.780.600.060	5.036.827.928
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của		
người quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng	2.110.534.224	1.748.248.966
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	12.518.447.621	10.409.920.957
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	626.065.159	494.876.729
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	2.673.683.166	2.277.829.021
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	93.333.328	66.666.668
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	93.333.328	66.666.668
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	333.333.331	322.222.219
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	93.333.328	66.666.668

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	59.996.330.000	64.357.350.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.415.432.000	-
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	922.611.235	-
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000

42. Thông tin so sánh

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và theo Thông báo số 126/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Các điều chỉnh này như sau:

- Điều chỉnh tăng Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho năm kết thúc cùng ngày đối với hàng gia công xuất khẩu với số tiền là 34.008 triệu VND. Đồng thời, điều chỉnh giảm Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Giá vốn hàng bán tương ứng cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 32.420 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Doanh thu hoạt động tài chính cho năm kết thúc cùng ngày cho tiền lãi dự thu đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 1.703 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 2.016 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Giá vốn hàng bán cho năm kết thúc cùng ngày đối với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu và hàng mua đang đi trên đường với số tiền là 10.485 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí bán hàng cho năm kết thúc cùng ngày do chưa phân bổ chi phí vận chuyển tương ứng lượng hàng xuất bán chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu với số tiền là 400 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày đối với chi phí tư vấn xây dựng chiến lược thuộc dự án Đầu tư xây dựng chiến lược của Tổng Công ty với số tiền là 3.619 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm kết thúc cùng ngày do ảnh hưởng của các điều chỉnh ở trên với số tiền là 1.548 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Lợi ích thuế TNDN hoãn lại cho năm kết thúc cùng ngày do ảnh hưởng của điều chỉnh giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu và hàng mua đang đi trên đường với số tiền là 1.347 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2023 (theo báo cáo trước đây) VND	1/1/2023 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	1/1/2023 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	447.460.848.580	34.008.455.668	481.469.304.248
Phải thu ngắn hạn khác	4.054.277.249	1.703.213.409	5.757.490.658
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.726.372.561)	2.016.383.215	(5.709.989.346)
Hàng tồn kho	987.079.062.487	(32.420.382.837)	954.658.679.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.521.090.080)	10.485.185.677	(42.035.904.403)
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.128.137.752	399.689.660	9.527.827.412
Xây dựng cơ bản dở dang	13.816.482.196	3.618.646.200	17.435.128.396
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.073.502.669	(1.347.335.967)	5.726.166.702
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	34.928.852.934	1.547.586.497	36.476.439.431
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	362.110.088.453	15.705.026.331	377.815.114.784
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	42.601.741.636	1.211.242.197	43.812.983.833

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 (theo báo cáo trước đây) VND	2022 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	2022 (đã điều chỉnh lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.144.986.273.741	34.008.455.668	5.178.994.729.409
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.542.575.229.048	21.935.197.160	4.564.510.426.208
Doanh thu hoạt động tài chính	95.611.671.041	1.703.213.409	97.314.884.450
Chi phí bán hàng	127.650.296.194	(399.689.660)	127.250.606.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp	157.954.927.094	(5.635.029.415)	152.319.897.679
Lợi nhuận kế toán trước thuế	337.440.897.567	19.811.190.992	357.252.088.559
Chi phí thuế TNDN hiện hành	76.444.548.146	1.547.586.497	77.992.134.643
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(7.073.502.669)	1.347.335.967	(5.726.166.702)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	268.069.852.090	16.916.268.528	284.986.120.618
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	263.348.714.184	15.705.026.331	279.053.740.515
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	4.721.137.906	1.211.242.197	5.932.380.103

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2022 (theo báo cáo trước đây) VND	2022 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	2022 (đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	337.440.897.567	19.811.190.992	357.252.088.559
Các khoản dự phòng	52.421.970.488	(12.501.568.892)	39.920.401.596
Lãi từ hoạt động đầu tư	(14.840.798.929)	(1.703.213.409)	(16.544.012.338)
Biến động các khoản phải thu	54.614.289.794	(34.008.455.668)	20.605.834.126
Biến động hàng tồn kho	(129.019.832.732)	32.420.382.837	(96.599.449.895)
Biến động chi phí trả trước	(13.060.831.613)	(399.689.660)	(13.460.521.273)
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(136.921.452.716)	(3.618.646.200)	(140.540.098.916)

Ngoại trừ các trường hợp được điều chỉnh lại nêu trên, các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Anh Thảo
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải
 Tổng Giám đốc